Bài 90. LUYỆN TẬP CHUNG

Tích vào các ý đúng

1. Trong các số 676 ; 984 ; 6705 ; 2050 ; 3327 ; 57 663 :

a) Các số chia hết cho 2 là : .....676.....984.....6705.....2050.....3327.....57.633....

b) Các số chia hết cho 5 là : .....676.....984.....6705.....2050.....3327.....57.633....

c) Các số chia hết cho 3 là : .....676.....984.....6705.....2050.....3327.....57.633....

d) Các số chia hết cho 9 là : .....676.....984.....6705.....2050.....3327.....57.633....

2. Trong các số 48 432 ; 64 620 ; 3560 ; 81 587 :

a) Các số chia hết cho cả 2 và 5 là : .....48.432.....64.620.....3560.....81587....

b) Các số chia hết cho cả 3 và 2 là : .....48.432.....64.620.....3560.....81587.

c) Số chia hết cho cả 2 ; 3 ; 5 và 9 là : .....48.432.....64.620.....3560.....81587

3. Viết chữ số thích hợp vào ô trống, sao cho :

a) 4☐9 chia hết cho 3 ;

b) 1☐6 chia hết cho 9 ;

c) 18☐ chia hết cho cả 3 và 5 ;

d) 44☐ chia hết cho cả 2 và 3.

4. Viết số thích hợp vào chỗ chấm sao cho số đó :

a) Chia hết cho 2 và chia hết cho 5 : 23 < ..... < 31 ; 31 < ..... < 45.

b) Chia hết cho 2 và chia hết cho 3 : 15 < ..... < 21 ; 21 < ..... < 25.

c) Chia hết cho 9 và chia hết cho 2 : 10 < ..... < 30 ; 30 < ..... < 40.

5. Đúng ghi Đ, sai ghi S :

a) Các số có chữ số tận cùng là 0 thì chia hết cho 5. ☐

b) Các số chia hết cho 5 thì đều có chữ số tận cùng là 0. ☐

c) Số không chia hết cho 2 là số lẻ. ☐

LIVEWORKSHEETS